

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/DS-ST  
Ngày: 13/12/2021  
V/v: "Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C  
TỈNH KHÁNH HÒA

*- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lai
2. Bà Mai Thị Thu Trang

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:* Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐST-DS ngày 02/12/2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L – sinh năm: 1950

Địa chỉ: 59 Q, TDP H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

\* Bị đơn: Bà Trần Thị H ( Trần Thị Thu H) – sinh năm: 1981

Địa chỉ: 134 H, TDP T, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Khánh Hòa- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2021, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/6/2021, đơn đề ngày 02/11/2021, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:*

Ngày 20 tháng 10 năm 2019 bà L cho bà Trần Thị H (tức là Trần Thị Thu H) mượn 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) để bà H kinh doanh mua bán. Bà H có viết giấy mượn tiền, cam kết khi nào bà L cần thì bà H sẽ hoàn trả đầy đủ, nếu không trả sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Về tiền lãi hai bên thỏa thuận mỗi tháng bà H trả cho bà L 8.000.000 đồng. Đến hết tháng 5 năm 2020 bà H không trả lãi cho bà L nữa. Đến đầu năm 2021 bà L yêu cầu bà H hoàn trả lại số tiền bà mượn nêu trên nhưng bà H cứ hẹn mà không trả. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả ngay cho bà 3.500 USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) và 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Về tiền lãi : bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tiền lãi cho bà đối với số tiền 330.000.000 đồng kể từ ngày khởi kiện đến khi Tòa án xét xử với mức lãi 20%/năm.

*\* Tại Bản tự khai ngày 14/6/2021, Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021 và ngày 03/11/2021, Bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Ngày 16/6/2017 âm lịch bà H có vay của bà L 3.500 USD (Ba ngàn đô la Mỹ) và 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), khi vay hai bên không lập giấy tờ gì, thỏa thuận khi nào bà H có tiền thì trả nợ gốc cho bà L, lãi suất mỗi tháng bà H trả cho bà L 20.000.000 đồng (lần 1: ngày 16 âm lịch trả 8.000.000 đồng, lần 2: ngày 26 âm lịch 12.000.000 đồng). Bà H đã trả lãi đầy đủ. Đến tháng 8 âm lịch năm 2020 bà H không trả lãi nữa vì đã trả xong nợ gốc. Nay bà L khởi kiện buộc bà phải trả cho bà L 3.500 USD (Ba ngàn đô la Mỹ) và 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) bà H không đồng ý vì bà đã trả hết nợ cho bà L như sau:

Ngày 16/01/2018 âm lịch : trả 330.000.000 đồng

Ngày 26/7/2019 âm lịch : trả 2.000 USD

Ngày 16/8/2020 âm lịch : Trả 1.500 USD

Khi trả tiền hai bên có lập giấy xóa nợ có chữ ký của bà L.

*\* Tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án :*

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án: Đơn khởi kiện, bản sao giấy chứng minh nhân dân bà L, bản sao sổ hộ khẩu bà L, bản chính “Giấy mượn tiền”.

- Tài liệu, chứng cứ của bị đơn đã giao nộp cho Tòa án: Bản tự khai, Đơn trình bày, Căn cước công dân bà H (bản phô tô), Giấy xóa nợ (bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai bà L, Biên bản lấy lời khai bà H, Biên bản xác minh.

*\* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L rút một phần nội dung khởi kiện về phần lãi suất tiền vay, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả tiền lãi đối với số tiền 330.000.000 đồng.*

*\* Tại Biên bản hòa giải ngày 17/11/2021 và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H xác nhận có vay bà Hoàng Thị L số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ), hiện nay bà chưa*

trả. Nay do khó khăn nên bà H xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng kể từ tháng 12 năm 2021.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án cũng như quá trình giải quyết vụ án, xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục; các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Các đương sự xác nhận bà Trần Thị H vay bà Hoàng Thị L số tiền 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ). Căn cứ Điều 22 Pháp Lnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013; Điều 123, Điều 131; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố giao dịch 3.500USD giữa bà H và bà L vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản giao dịch; chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà H phải trả cho bà L 330.000.000 đồng. Bà H phải chịu án phí theo quy định.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Hoàng Thị L và bị đơn bà Trần Thị H, đều trú tại thị trấn Cam Đức, huyện C, tỉnh Khánh Hòa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ và tại phiên tòa, có căn cứ xác định được như sau: Bà Hoàng Thị L cho bà Trần Thị H (tức là Trần Thị Thu H ) vay 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) để bà H kinh doanh.

Theo nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày và tài liệu chứng cứ do bà L cung cấp là “ Giấy mượn tiền” do bà H viết thì hai bên tiến Hnh cho vay nhiều lần, đến ngày 20/10/2019 bà H viết giấy mượn tiền ghi tổng cộng số tiền vay là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) và 3.500USD (Ba ngàn

năm trăm đô la Mỹ) , không quy định rõ lãi suất, thời hạn trả nợ cụ thể. Nguyên đơn trình bày đầu năm 2021 bà cần tiền nên đã yêu cầu bà H trả nợ, bà H hẹn nhiều lần nhưng không trả nên bà khởi kiện ra Tòa.

Bị đơn bà Trần Thị H xác nhận có vay tiền của bà Hoàng Thị L nhiều lần, tổng cộng là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) nhưng bà không viết “giấy mượn tiền” ngày 20/10/2019, bà cho rằng “giấy mượn tiền” do bà L nộp Tòa án không phải chữ ký chữ viết của bà nhưng bà từ chối giám định. Bà H cũng xác nhận bà L đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà chưa trả số tiền vay trên cho bà L.

Như vậy, mặc dù hai bên không quy định rõ thời hạn trả nợ, nhưng trước khi khởi kiện bà L đã báo và đòi nợ bà H. Do đó bà L được quyền khởi kiện vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định.

[3] Xét thấy: Mặc dù bà H không thừa nhận “giấy mượn tiền” do bà L nộp Tòa án vì cho rằng không phải chữ ký chữ viết của bà nhưng bà H đã xác nhận có vay bà L 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) và 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) đồng thời từ chối giám định chữ ký chữ viết tại “giấy mượn tiền”. Như vậy có cơ sở xác định bà H có vay tiền của bà L. Tuy nhiên, giao dịch dân sự giữa bà L và bà H đối với 3.500USD là vi phạm Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2013 nên vô hiệu. Tại phiên tòa các bên đương sự trình bày không biết việc giao dịch dân sự bằng đô la Mỹ là trái pháp luật. Như vậy hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà H bị vô hiệu phần giao dịch 3.500USD. Theo quy định tại Điều 123, Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án tuyên hủy giao dịch này, buộc bà H phải trả cho bà L số tiền 3.500 đô la Mỹ, được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử.

Tỷ giá đô la theo biên bản xác minh ngày 13/12/2021 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh C, Khánh Hòa là 23.090VNĐ.

$$3.500 \text{ USD} \times 23.090\text{VNĐ} = 80.815.000 \text{ VNĐ}.$$

[4] Đối với số tiền bà H vay của bà L 330.000.000 đồng Việt Nam, bà L đòi nhiều lần nhưng bà H không trả là vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà H phải trả cho bà L 330.000.000 đồng Việt Nam.

[5] Về lãi suất: Bà L và bà H xác nhận việc vay tiền 330.000.000 đồng Việt Nam nêu trên hai bên có thỏa thuận về tiền lãi, tuy nhiên các bên đương sự không thống nhất về mức lãi suất đã thỏa thuận và đã thực hiện, các đương sự cũng không yêu cầu giải quyết về tiền lãi đã thanh toán. Tại phiên tòa, bà L rút phần yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc

330.000.000 đồng Việt Nam. Đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về phía bà H đồng ý trả nợ cho bà L nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng kể từ tháng 12/2021 cho đến khi hết nợ nhưng không được bà L chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị L 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ), số tiền này được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 80.815.000 đồng và số tiền 330.000.000 đồng Việt Nam (Ba trăm ba mươi ba triệu đồng Việt Nam) nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là:  $20.000.000 \text{ đồng} + \{(80.815.000 \text{ đồng} + 330.000.000 \text{ đồng}) - 400.000.000 \text{ đồng}\} \times 4\% = 20.000.000 \text{ đồng} + 432.600 \text{ đồng} = 20.432.600 \text{ đồng}.$

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013; Điều 123, Điều 131; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố giao dịch vay 3.500 USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ) giữa bà Hoàng Thị L và bà Trần Thị H vô hiệu. Bà Trần Thị H phải trả lại cho bà Hoàng Thị L 3.500USD (Ba ngàn năm trăm đô la Mỹ), số tiền này được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 80.815.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị L, buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Hoàng Thị L 330.000.000 đồng Việt Nam (Ba trăm ba mươi triệu đồng Việt Nam) tiền nợ gốc .

3/ Về án phí:

Bà Trần Thị H phải nộp 20.432.600 đồng (Hai mươi triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Hoàng Thị L 10.200.000 đồng (Mười triệu hai trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0008761 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Quy định: Kể từ ngày bà Hoàng Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị H chưa thi hành xong số tiền phải trả cho bà L thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Bà Hoàng Thị L, bà Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Nguyễn Thị Thu Hằng**